

Số: 1402/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 1086/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Phạm Đặng Thị Minh T, sinh năm: 2001.

Thường trú: K, phường L, Thành phố V, tỉnh Nghệ An

Tạm trú: Nhà không số, tổ D, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Trương Chí P năm: 1998.

Thường trú: Ấp Voi, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Phạm Đặng Thị Minh T và ông Trương Chí P1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2023 do Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Long An cấp ngày 07/3/2023. Nay bà T và ông P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

Về lệ phí: Bà Phạm Đặng Thị Minh T và ông Trương Chí P1 cùng chịu theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Đặng Thị Minh T và ông Trương Chí P1 thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2023 do Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Long An cấp ngày 07/3/2023 không còn giá trị.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Đặng Thị Minh T và ông Trương Chí P1 cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0049135 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Đặng Thị Minh T và ông Trương Chí P1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Nguyễn Thanh Sang

